

**UBND TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SGDDĐT-QLCLGDCNTT  
V/v hướng dẫn tổ chức các kỳ thi chọn  
học sinh giỏi năm học 2025 - 2026 và Kỳ  
thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh tham dự  
kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia  
THPT năm học 2026 -2027

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quy định thi chọn học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-SGDDĐT ngày 10/01/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi (*Quy định tổ chức thi chọn học sinh giỏi*).

Thực hiện kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn tổ chức các kỳ thi chọn học sinh giỏi năm học 2025 - 2026 và Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT (Kỳ thi chọn đội tuyển) năm học 2026 - 2027. Cụ thể như sau:

**I. Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp cơ sở và thành lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh**

**1. Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp cơ sở**

a) Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp cơ sở là kỳ thi do các đơn vị trực thuộc Sở có cấp trung học phổ thông (THPT) tổ chức cho học sinh các lớp cấp THPT của đơn vị, Ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường, đặc khu (*gọi chung là UBND cấp xã*) tổ chức cho học sinh các lớp cấp THCS tại các trường có cấp THCS (*bao gồm các trường thuộc UBND cấp xã và các trường trực thuộc Sở*) trên địa bàn. Việc tổ chức kỳ thi cấp cơ sở do Hiệu trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, Chủ tịch UBND cấp xã (*gọi chung là Thủ trưởng các địa phương, đơn vị*) quyết định; công tác tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp cơ sở (nếu có) do Thủ trưởng các địa phương, đơn vị quy định trên cơ sở tham khảo Quy định tổ chức thi chọn học sinh giỏi của Sở GDĐT và Công văn này.

b) Học sinh, học viên tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp cơ sở phải có kết quả xếp loại rèn luyện và học tập từ loại khá trở lên theo kết quả cuối năm học liền kề đối với kỳ thi tổ chức trước khi kết thúc học kỳ I hoặc kết quả của học kỳ I năm đang học đối với kỳ thi tổ chức sau khi kết thúc học kỳ I.

**2. Thành lập đội tuyển tham dự các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh**

Thủ trưởng các địa phương, đơn vị quyết định tổ chức kỳ thi chọn học sinh

giỏi cấp cơ sở hoặc có thể xem xét kết quả xếp loại rèn luyện và học tập của học sinh để thành lập đội tuyển căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đơn vị và phù hợp với ngày tổ chức kỳ thi cấp tỉnh. Việc thành lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh phải hoàn thành và gửi hồ sơ về Sở GDĐT trước ngày tổ chức thi cấp tỉnh **ít nhất 30 ngày**.

### **3. Báo cáo việc tổ chức kỳ thi cấp cơ sở**

Các địa phương, đơn vị báo cáo tổng kết về công tác tổ chức các kỳ thi cấp cơ sở (công tác triển khai, kết quả thực hiện, những khó khăn, kiến nghị (nếu có)) trước ngày 30/4/2026; những đơn vị không tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp cơ sở vẫn gửi báo cáo, trong đó nêu lý do, cách thức lập đội tuyển, kết quả thực hiện.

## **II. Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh**

### **1. Hồ sơ đăng ký dự thi**

Mỗi đơn vị có học sinh dự thi lập hồ sơ đăng ký dự thi, gồm:

- Quyết định của Thủ trưởng đơn vị về việc thành lập đội tuyển;
- Quyết định thành lập Hội đồng ra đề thi, chấm thi; đề thi và hướng dẫn chấm của kỳ thi tại cơ sở (*nếu có tổ chức thi chọn đội tuyển*);
- Danh sách xác nhận kết quả rèn luyện và học tập của học sinh dự thi.

Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về điều kiện dự thi của thí sinh theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo yêu cầu về số lượng thí sinh đăng ký dự thi.

### **2. Đối tượng, hình thức, số lượng, thời gian, địa điểm**

#### **2.1. Kỳ thi chọn đội tuyển năm học 2026 - 2027**

a) Đối tượng: Học sinh đang học cấp THPT có xếp loại rèn luyện và học tập năm học 2025 -2026 từ khá trở lên và được tuyển chọn từ các trường có cấp THPT.

b) Môn thi

Tổ chức thi 09 môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh và Tin học.

c) Hình thức thi:

- Môn Tin học thi lập trình trên máy vi tính với các môi trường lập trình theo quy định của Bộ GDĐT; môn Tiếng Anh gồm 01 bài thi viết (03 kỹ năng: nghe, đọc hiểu, viết) và phần thi nói; các môn khác thi theo hình thức thi viết;

- Tổ chức hai (02) buổi thi đối với các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Tiếng Anh; tổ chức một (01) buổi thi đối với các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.

d) Thời gian làm bài thi: 180 phút. Phần thi nói môn Tiếng Anh của mỗi thí sinh 10 phút (05 phút chuẩn bị, 05 phút trình bày).

đ) Số lượng thí sinh đăng ký dự thi: Không giới hạn số lượng thí sinh tham gia dự thi của từng đơn vị. Các đơn vị có trách nhiệm tuyển chọn thí sinh dự thi có năng khiếu về môn học, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định để tham gia dự thi.

e) Lịch thi, địa điểm tổ chức

- Ngày 16/9/2026:

+ 07 giờ 30: Họp thường trực Hội đồng coi thi;

+ 08 giờ 30: Họp toàn thể Hội đồng coi thi.

- Ngày 17/9/2026:

+ 06 giờ 30: Khai mạc Kỳ thi, tổ chức thi;

+ 07 giờ 25: Phát đề thi cho thí sinh;

+ 07 giờ 30: Bắt đầu tính giờ làm bài.

- Ngày 18/9/2026: Tổ chức thi các môn: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học và thi nói môn Tiếng Anh.

+ 07 giờ 25: Phát đề thi cho thí sinh;

+ 07 giờ 30: Bắt đầu tính giờ làm bài. Đối với phần thi nói môn Tiếng Anh, thí sinh bắt đầu bắt thăm đề lúc 07 giờ 30.

- Địa điểm đặt Hội đồng coi thi: Trường THPT chuyên Lê Khiết và Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành.

g) Thành lập đội tuyển

Căn cứ vào kết quả của Kỳ thi chọn đội tuyển và Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, Giám đốc Sở GDĐT ban hành quyết định thành lập đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2026-2027. Học sinh được chọn vào đội tuyển thi chọn học sinh giỏi quốc gia được xem xét công nhận là học sinh giỏi cấp tỉnh theo quy định tổ chức thi chọn học sinh giỏi của tỉnh.

## **2.2. Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12**

a) Đối tượng: Học sinh, học viên đang học cấp THPT tại các cơ sở giáo dục và được các đơn vị tuyển chọn.

b) Môn thi

Tổ chức thi 10 môn: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật (GDKT&PL), Tiếng Anh và Tin học.

c) Hình thức thi

- Môn Tin học thi lập trình trên máy vi tính với các môi trường lập trình: Free Pascal/Lazarus, Code Block/Dev-C++ hoặc các môi trường tương đương khác; môn Tiếng Anh thi kết hợp các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu và viết; các môn còn lại thi viết;

- Tổ chức một (01) buổi thi đối với tất cả các môn.

d) Thời gian làm bài thi: 180 phút.

đ) Số lượng thí sinh đăng ký dự thi:

- Trường THPT chuyên Lê Khiết và THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: Tương

ứng với mỗi lớp chuyên thuộc khối lớp 12 năm học 2025 – 2026, đơn vị được đăng ký dự thi tối đa 25 học sinh.

- Trường có từ 28 lớp cấp THPT trở lên được đăng ký dự thi tối đa 15 học sinh/môn.

- Trường THPT có từ 18 đến 27 lớp cấp THPT được đăng ký dự thi tối đa 10 học sinh/môn.

- Trường THPT có dưới 18 lớp cấp THPT và các trung tâm GDTX, GDNN-GDTX (gọi chung là các trung tâm) được đăng ký dự thi tối đa 05 học sinh/môn.

e) Lịch thi, địa điểm tổ chức

- Ngày 27/01/2026:

- + 07 giờ 30: Họp thường trực Hội đồng coi thi;

- + Tiếp nhận cơ sở tổ chức thi.

- Ngày 28/01/2026:

- + 08 giờ 00: Họp toàn thể Hội đồng coi thi;

- + Triển khai Quy chế thi và kiểm tra điều kiện tổ chức thi.

- Ngày 29/01/2026:

- + 06 giờ 30: Khai mạc Kỳ thi, tổ chức thi;

- + 07 giờ 25: Phát đề thi cho thí sinh;

- + 07 giờ 30: Bắt đầu tính giờ làm bài.

g) Địa điểm đặt Hội đồng coi thi: Trường THPT Trần Quốc Tuấn, Trường THPT số 1 Tư Nghĩa và THPT chuyên Nguyễn Tất Thành.

### **2.3. Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9**

a) Đối tượng: Học sinh cấp THCS được tuyển chọn từ UBND cấp xã.

b) Môn thi: Tổ chức thi 07 môn: Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Tiếng Anh và Giáo dục công dân (GDGD).

c) Hình thức thi:

- Môn Tin học thi lập trình trên máy vi tính với các môi trường lập trình: Free Pascal/Lazarus, Code Block/Dev-C++ hoặc các môi trường tương đương khác; môn Tiếng Anh thi kết hợp các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, viết và phần thi nói; các môn còn lại thi viết;

- Tổ chức hai (02) buổi thi đối với môn Tiếng Anh (01 buổi thi các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, viết và 01 buổi thi phần thi nói); tổ chức một (01) buổi thi đối với các môn còn lại.

d) Thời gian làm bài thi mỗi môn: 150 phút. Phần thi nói môn Tiếng Anh của mỗi thí sinh 08 phút (05 phút chuẩn bị, 03 phút trình bày).

đ) Số lượng thí sinh đăng ký dự thi: Sở GDĐT quy định sau.

e) Lịch thi, địa điểm tổ chức

- Ngày 17/3/2026:

+ 07 giờ 30: Họp Lãnh đạo, Thư ký Hội đồng coi thi;

+ 08 giờ 30: Tiếp nhận cơ sở vật chất phục vụ thi.

- Ngày 18/3/2026:

08 giờ 00: Họp toàn thể Hội đồng coi thi; triển khai Quy chế thi và kiểm tra các điều kiện tổ chức thi.

- Ngày 19/3/2026:

\* Buổi Sáng:

+ 07 giờ 00: Khai mạc Kỳ thi, tổ chức thi;

+ 07 giờ 55: Phát đề thi cho thí sinh;

+ 08 giờ 00: Bắt đầu tính giờ làm bài.

\* Buổi Chiều:

13 giờ 30: Tổ chức thi nói môn Tiếng Anh.

g) Địa điểm đặt Hội đồng coi thi: Trường THPT chuyên Lê Khiết; Trường THPT Lê Trung Đình và Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum.

## **2.4. Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 11**

a) Đối tượng: Học sinh, học viên đang học lớp 10, 11 THPT được tuyển chọn từ các cơ sở giáo dục có cấp THPT.

b) Môn thi: Tổ chức thi 10 môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, GDKT&PL, Tiếng Anh và Tin học.

c) Hình thức thi

- Môn Tin học thi lập trình trên máy vi tính với các môi trường lập trình: Free Pascal/Lazarus, Code Block/Dev-C++ hoặc các môi trường tương đương khác; môn Tiếng Anh thi kết hợp các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, viết và phần thi nói; các môn còn lại thi viết;

- Tổ chức hai (02) buổi thi đối với môn Tiếng Anh (01 buổi thi các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, viết và 01 buổi thi phần thi nói); tổ chức 01 buổi thi đối với các môn còn lại.

d) Thời gian làm bài thi mỗi môn: 180 phút. Phần thi nói môn Tiếng Anh của mỗi thí sinh 08 phút (05 phút chuẩn bị, 03 phút trình bày).

đ) Số lượng thí sinh đăng ký thi:

- Trường THPT chuyên Lê Khiết và THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: Tương ứng với mỗi lớp chuyên thuộc khối 11, đơn vị được đăng ký dự thi tối đa 25 học sinh.

- Trường có tổng số lớp 10 và lớp 11 từ 19 lớp trở lên được đăng ký dự thi tối đa 15 học sinh/môn.

- Trường có tổng số lớp 10 và 11 từ 09 đến 18 lớp được đăng ký dự thi tối đa 10 học sinh/môn.

- Trường có tổng số lớp 10 và 11 dưới 09 lớp và các trung tâm được đăng ký dự thi tối đa 05 học sinh/môn.

e) Lịch thi, địa điểm tổ chức

- Ngày 14/4/2026:

+ 07 giờ 30: Họp Lãnh đạo, Thư ký Hội đồng coi thi;

+ 08 giờ 30: Tiếp nhận cơ sở vật chất phục vụ thi.

- Ngày 15/4/2026:

08 giờ 00: Họp toàn thể Hội đồng coi thi; triển khai Quy chế thi và kiểm tra các điều kiện tổ chức thi.

- Ngày 16/4/2026:

\* Buổi Sáng:

+ 6 giờ 30: Khai mạc Kỳ thi, tổ chức thi;

+ 07 giờ 25: Phát đề thi cho thí sinh;

+ 07 giờ 30: Bắt đầu tính giờ làm bài.

\* Buổi Chiều: 13 giờ 30: Tổ chức phần thi nói môn Tiếng Anh.

g) Địa điểm đặt Hội đồng coi thi: Trường THPT số 1 Tư Nghĩa, Trường THPT Lê Trung Đình và Trường THPT Kon Tum.

### **3. Nội dung thi**

a) Kỳ thi chọn đội tuyển: Nội dung thi nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông, nội dung dạy học các môn chuyên cấp trung học phổ thông hiện hành. Đề thi các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học có nội dung liên quan đến thực hành.

b) Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9, 11, 12: Nội dung thi thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT về ban hành nội dung, cấu trúc đề thi học sinh giỏi cấp trung học năm học 2025-2026.

## **III. Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia trung học phổ thông**

### **1. Hồ sơ dự thi**

Những trường có học sinh được chọn vào đội tuyển, Hiệu trưởng lập hồ sơ dự thi gửi về Sở GDĐT **trước ngày thi 30 ngày**. Hồ sơ của học sinh dự thi gồm:

- Học bạ chính của cấp học (trong trường hợp kỳ thi được tổ chức trước khi kết thúc Học kỳ I của năm học) hoặc Phiếu báo xếp loại rèn luyện và học tập học kỳ I của từng thí sinh, có xác nhận của Hiệu trưởng nhà trường (trong trường hợp kỳ thi được tổ chức ngay sau khi kết thúc Học kỳ I);

- 01 ảnh 4cm x 6cm cho mỗi thí sinh, ảnh chụp không quá 03 tháng trước ngày tổ chức thi theo kiểu làm căn cước công dân; mặt sau ghi rõ họ, họ đệm, tên, ngày, tháng, năm, nơi sinh.

## **2. Thời gian, địa điểm**

- Thời gian theo lịch thi của Bộ GDĐT.
- Địa điểm đặt Hội đồng coi thi: Trường THPT chuyên Lê Khiết.

## **IV. Giới thiệu cán bộ quản lý, giáo viên làm nhiệm vụ ra đề thi, coi thi, chấm thi đối với các kỳ thi cấp tỉnh**

### **1. Công tác ra đề thi**

Trường THPT chuyên Lê Khiết, THPT chuyên Nguyễn Tất Thành và các đơn vị có thí sinh tham dự kỳ thi có trách nhiệm giới thiệu cán bộ, giáo viên tham gia công tác ra đề thi. Cụ thể:

- a) Kỳ thi chọn đội tuyển và Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 11, 12:
  - Trường THPT chuyên Lê Khiết và THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: 03 giáo viên/môn thi;
  - Các đơn vị có thí sinh đăng ký dự thi: 02 giáo viên/môn.
- b) Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9:
  - Trường THPT chuyên Lê Khiết và THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: 02 giáo viên/môn thi (02 giáo viên/mạch kiến thức đối với môn Khoa học tự nhiên, 02 giáo viên/phân môn đối với môn Lịch sử - Địa lí).
  - UBND cấp xã có đội tuyển tham dự Kỳ thi:
    - + UBND phường: 02 giáo viên/môn (02 giáo viên/mạch kiến thức đối với môn Khoa học tự nhiên, 02 giáo viên/phân môn đối với môn Lịch sử - Địa lí);
    - + UBND xã, đặc khu: 01 giáo viên/môn (01 giáo viên/mạch kiến thức đối với môn Khoa học tự nhiên, 01 giáo viên/phân môn đối với môn Lịch sử - Địa lí).

### **2. Công tác coi thi**

Đối với mỗi Kỳ thi, các trường THCS, THPT thuộc các trường trên địa bàn phường nơi tổ chức Hội đồng coi thi giới thiệu cán bộ, giáo viên tham gia công tác coi thi. Số lượng cán bộ, giáo viên tham gia công tác coi thi của từng đơn vị theo quy định của Sở GDĐT trước mỗi Kỳ thi.

### **3. Công tác chấm thi**

Trường THPT chuyên Lê Khiết, THPT chuyên Nguyễn Tất Thành và các đơn vị có thí sinh tham dự kỳ thi có trách nhiệm giới thiệu cán bộ, giáo viên tham gia công tác chấm thi như sau:

- a) Kỳ thi chọn đội tuyển và Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 11, 12:
  - Trường THPT chuyên Lê Khiết và THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: 03 giáo viên/môn thi;
  - Các đơn vị có thí sinh đăng ký dự thi: 02 giáo viên/môn.
- b) Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9:
  - Trường THPT chuyên Lê Khiết và THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: 02 giáo

viên/môn thi (02 giáo viên/mạch kiến thức đối với môn Khoa học tự nhiên, 02 giáo viên/phân môn đối với môn Lịch sử - Địa lí).

- UBND cấp xã có đội tuyển tham dự Kỳ thi:

+ UBND phường: 06 giáo viên/môn (06 giáo viên/mạch kiến thức đối với môn Khoa học tự nhiên, 06 giáo viên/phân môn đối với môn Lịch sử - Địa lí);

+ UBND xã, đặc khu: 03 giáo viên/môn (03 giáo viên/mạch kiến thức đối với môn Khoa học tự nhiên, 03 giáo viên/phân môn đối với môn Lịch sử - Địa lí).

**4. Tiêu chuẩn cán bộ, giáo viên tham gia công tác thi:** Thực hiện theo Quy định tổ chức thi chọn học sinh giỏi của tỉnh.

Danh sách cử cán bộ, giáo viên làm nhiệm vụ coi thi, chấm thi gửi cùng lúc với dữ liệu thí sinh dự thi, theo địa chỉ phongtktd.soquangngai@moet.edu.vn, đồng thời gửi văn bản điện tử qua Hệ thống iOffice về Sở GDĐT **chậm nhất trước ngày thi 30 ngày**.

## V. Phúc khảo

Mọi thí sinh được quyền đề nghị phúc khảo bài thi. Hồ sơ phúc khảo gồm:

- Đơn xin phúc khảo bài thi của thí sinh;
- Công văn đề nghị phúc khảo bài thi của Hiệu trưởng hoặc Giám đốc Trung tâm (*đối với học sinh/học viên cấp THPT*) hoặc Hiệu trưởng trường có cấp THCS (*đối với học sinh cấp THCS*) nơi có thí sinh xin phúc khảo.
- Hồ sơ đề nghị phúc khảo phải được gửi về Sở GDĐT theo địa chỉ: phongtktd.soquangngai@moet.edu.vn, đồng thời gửi văn bản điện tử qua Hệ thống iOffice trong vòng 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Quá thời hạn, hồ sơ đề nghị phúc khảo không được chấp nhận.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các địa phương, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện. Nếu có những vướng mắc hoặc đề xuất, các đơn vị báo cáo về Sở GDĐT (qua Phòng QLCLGDCNTT) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

### Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Giám đốc Sở GDĐT (báo cáo);
- Các PGĐ Sở GDĐT (theo dõi, chỉ đạo);
- Các phòng CMNV thuộc Sở (thực hiện);
- Lưu: VT, QLCLGDCNTT(Dùng).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đoàn Thành Nhân**



**Phụ lục I**  
**DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN**  
**GIỚI THIỆU LÀM CÔNG TÁC RA ĐỀ THI, COI THI, CHẤM THI**  
*(Kèm theo Công văn số      /SGDDĐT-QLCLGD&CNTT ngày      /9/2025 của Sở GDĐT)*

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b> | <b>Chức vụ</b> | <b>Đơn vị</b> | <b>Môn dạy</b> | <b>Nhiệm vụ</b>      | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|------------------|----------------|---------------|----------------|----------------------|----------------|
|           | <i>Ví dụ</i>     |                |               |                |                      |                |
| 1         | Nguyễn Văn A     | GV             | THPT Bình Sơn | Hóa học        | Chấm thi             |                |
| 2         | Nguyễn Văn B     | GV             | THPT Bình Sơn | Toán           | Coi thi,<br>Chấm thi |                |
| 3         | Nguyễn Văn C     | TTCM           | THPT Bình Sơn | Ngữ văn        | Coi thi              |                |
| 4         | Nguyễn Văn D     | GV             | THPT Bình Sơn | Vật lý         | Không<br>tham gia    | Con thi        |
|           | ...              |                |               |                |                      |                |

- Dữ liệu tạo trong Microsoft Excel.

- Ngoài danh sách giới thiệu cán bộ giáo viên ra đề, coi thi, chấm thi, các đơn vị phải gửi kèm danh sách cán bộ, giáo viên có người thân (*con, em ruột; con, em ruột của vợ hoặc chồng*) đăng ký dự thi của đơn vị mình.

**Phụ lục II**  
**QUY ĐỊNH VỀ DỮ LIỆU CỦA THÍ SINH DỰ THI**

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-QLCLGD&CNTT ngày /9/2025 của Sở GDĐT)

**1. Mã môn dự thi của thí sinh**

| <i>Môn dự thi</i> | <i>Mã</i> | <i>Môn dự thi</i> | <i>Mã</i> |
|-------------------|-----------|-------------------|-----------|
| Toán              | 1         | Ngữ văn           | 6         |
| Vật lý (KHTN)     | 2         | Lịch sử (LS&ĐL)   | 7         |
| Hóa học (KHTN)    | 3         | Địa lý (LS&ĐL)    | 8         |
| Sinh học (KHTN)   | 4         | Tiếng Anh         | 9         |
| Tin học           | 5         | GDKT&PL/GDCD      | 10        |

**2. Quy định cấu trúc của danh sách thí sinh dự thi:**

| <i>TT</i> | <i>Name</i> | <i>Diễn giảng</i>               | <i>Type</i> | <i>Width</i> | <i>Ghi chú</i>  |
|-----------|-------------|---------------------------------|-------------|--------------|-----------------|
| 1         | Madv        | Mã đơn vị                       | C           | 3            |                 |
| 2         | Hoten       | Họ và tên của thí sinh          | C           | 30           |                 |
| 4         | Ngaysinh    | Ngày sinh của thí sinh          | C           | 6            | dd/mm/yy        |
| 5         | Noisinh     | Nơi sinh của thí sinh           | C           | 27           | tên tỉnh/TP     |
| 6         | Phai        | Giới tính của thí sinh          | N           | 1            | Nam: 1, Nữ: 0   |
| 7         | Dantoc      | Dân tộc                         | C           | 15           |                 |
| 8         | Lop         | Lớp đang học của thí sinh       | C           | 5            |                 |
| 9         | Tentruong   | Trường đang học của thí sinh    | C           | 30           |                 |
| 10        | Mamon       | Mã môn dự thi                   | N           | 1            | Theo mục 1      |
| 12        | DiemTB      | Điểm TB môn dự thi              | C           | 5            |                 |
| 12        | Hoctap      | Xếp loại học tập của học sinh   | C           | 1            | 1- Tốt, 2 - Khá |
| 13        | renluyen    | Xếp loại rèn luyện của học sinh | C           | 1            | 1- Tốt, 2 - Khá |
| 14        | Ghichu      | Ghi chú cần thiết khác          | C           | 30           |                 |

**Một số điều cần lưu ý:**

- Dữ liệu tạo trong Microsoft Visual Foxpro 9.0; Font: .VnTime.
  - Trường hoten tất cả đều ghi chữ thường ví dụ: Nguyễn Văn An thì nhập nguyên văn an; ngày sinh 07/09/2004 thì nhập 070904.
  - Tên File đặt theo mã đơn vị (phụ lục III và phụ lục IV).
- Ví dụ: Trường THPT Trần Quốc Tuấn, đặt tên file: TQT.DBF.

**Phụ lục III**  
**DANH SÁCH MÃ ĐƠN VỊ (CẤP THPT)**

(Kèm theo Công văn số      /SGDDT-QLCLGD&CNTT ngày      /9/2025 của Sở GDĐT)

| <b>TT</b> | <b>Mã đơn vị</b> | <b>Tên đơn vị</b>           | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|------------------|-----------------------------|----------------|
| 1.        | BSO              | THPT Bình Sơn               |                |
| 2.        | LQĐ              | THPT Lê Quý Đôn             |                |
| 3.        | TKP              | THPT Trần Kỳ Phong          |                |
| 4.        | VTG              | THCS&THPT Vạn Tường         |                |
| 5.        | VNG              | THPT Võ Nguyên Giáp         |                |
| 6.        | HTK              | THPT Huỳnh Thúc Kháng       |                |
| 7.        | BGA              | THPT Ba Gia                 |                |
| 8.        | TDI              | THPT TT Trương Định         |                |
| 9.        | SMY              | THPT Sơn Mỹ                 |                |
| 10.       | LKH              | THPT chuyên Lê Khiết        |                |
| 11.       | TQT              | THPT Trần Quốc Tuấn         |                |
| 12.       | LTĐ              | THPT Lê Trung Đình          |                |
| 13.       | NTT              | PTDTNT THPT tỉnh Quảng Ngãi |                |
| 14.       | HVT              | THPT TT Hoàng Văn Thụ       |                |
| 15.       | IEC              | Trường Iec Quảng Ngãi       |                |
| 16.       | CVA              | THPT Chu Văn An             |                |
| 17.       | TN1              | THPT số 1 Tư Nghĩa          |                |
| 18.       | TN2              | THPT số 2 Tư Nghĩa          |                |
| 19.       | TXA              | THPT Thu Xà                 |                |
| 20.       | PVĐ              | THPT Phạm Văn Đồng          |                |
| 21.       | MĐ2              | THPT số 2 Mộ Đức            |                |
| 22.       | NCT              | THPT Nguyễn Công Trứ        |                |
| 23.       | TQD              | THPT Trần Quang Diệu        |                |
| 24.       | ĐP1              | THPT số 1 Đức Phổ           |                |

| <b>TT</b> | <b>Mã đơn vị</b> | <b>Tên đơn vị</b>       | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|------------------|-------------------------|----------------|
| 25.       | LTV              | THPT Lương Thế Vinh     |                |
| 26.       | ĐP2              | THPT số 2 Đức Phổ       |                |
| 27.       | NCP              | THPT Nguyễn công Phương |                |
| 28.       | NH1              | THPT số 1 Nghĩa Hành    |                |
| 29.       | NH2              | THPT số 2 Nghĩa Hành    |                |
| 30.       | BTO              | THPT Ba Tơ              |                |
| 31.       | PKB              | THPT Phạm Kiệt          |                |
| 32.       | MLG              | THPT Minh Long          |                |
| 33.       | QTR              | THPT Quang Trung        |                |
| 34.       | SHA              | THPT Sơn Hà             |                |
| 35.       | PKS              | THCS&THPT Phạm Kiệt     |                |
| 36.       | ĐTH              | THPT Đinh Tiên Hoàng    |                |
| 37.       | TBG              | THPT Trà Bồng           |                |
| 38.       | PMG              | THCS&THPT Phó Mục Gia   |                |
| 39.       | TTA              | THPT Tây Trà            |                |
| 40.       | LSO              | THPT Lý Sơn             |                |
| 41.       | KTM              | THPT Kon Tum            |                |
| 42.       | LLI              | THPT Lê Lợi             |                |
| 43.       | NVC              | THPT Nguyễn Văn Cừ      |                |
| 44.       | DTN              | THPT Duy Tân            |                |
| 45.       | NTR              | THPT Nguyễn Trãi        |                |
| 46.       | THĐ              | THPT Trần Hưng Đạo      |                |
| 47.       | NHU              | THPT Nguyễn Huệ         |                |
| 48.       | PĐP              | THPT Phan Đình Phùng    |                |
| 49.       | TPU              | THPT Trần Phú           |                |
| 50.       | NMY              | THPT Ngô Mỹ             |                |
| 51.       | PBC              | THPT Phan Bội Châu      |                |

| <b>TT</b> | <b>Mã đơn vị</b> | <b>Tên đơn vị</b>             | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|------------------|-------------------------------|----------------|
| 52.       | TCH              | THPT Trường Chinh             |                |
| 53.       | PCT              | THPT Phan Chu Trinh           |                |
| 54.       | ĐHA              | PTDTNT THPT Đắk Hà            |                |
| 55.       | ITO              | PTDTNT THPT Ia Toi            |                |
| 56.       | NKT              | PT DTNT THPT Kon Tum          |                |
| 57.       | ĐTO              | PTDTNT THPT Đắk Tô            |                |
| 58.       | ĐGL              | PTDTNT THPT Đắk Glei          |                |
| 59.       | ĐRV              | PTDTNT THCS&THPT Đắk Rve      |                |
| 60.       | STY              | PTDTNT THPT Sa Thầy           |                |
| 61.       | MĐE              | PTDTNT THPT Măng Đen          |                |
| 62.       | TMR              | PTDTNT THPT Tu Mơ Rông        |                |
| 63.       | CTT              | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành  |                |
| 64.       | LVK              | THCS&THPT Liên Việt Kon Tum   |                |
| 65.       | TBS              | TT GDNN-GDTX khu vực Bình Sơn |                |
| 66.       | TTT              | TT GDTX tỉnh Quảng Ngãi       |                |
| 67.       | TMD              | TT GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức   |                |
| 68.       | TĐP              | TT GDNN-GDTX khu vực Đức Phổ  |                |
| 69.       | TBT              | TT GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ    |                |
| 70.       | TKT              | TT GDTX Kon Tum               |                |
| 71.       | TĐH              | TT GDNN-GDTX Đắk Hà           |                |
| 72.       | TĐT              | TT GDNN-GDTX Đắk Tô           |                |
| 73.       | TTM              | TT GDNN-GDTX Tu Mơ Rông       |                |
| 74.       | TĐG              | TT GDNN-GDTX Đắk Glei         |                |
| 75.       | TNH              | TT GDNN-GDTX Ngọc Hồi         |                |
| 76.       | TKR              | TT GDNN-GDTX Kon Rẫy          |                |
| 77.       | TKL              | TT GDNN-GDTX Kon Plông        |                |
| 78.       | TST              | TT GDNN-GDTX Sa Thầy          |                |



**Phụ lục IV**  
**DANH SÁCH MÃ ĐƠN VỊ (CẤP THCS)**

(Kèm theo Công văn số      /SGDDT-QLCLGD&CNTT ngày      /9/2025 của Sở GDĐT)

| <b>TT</b> | <b>Mã đơn vị</b> | <b>Tên đơn vị</b>         | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|------------------|---------------------------|----------------|
| 1.        | X01              | xã Bình Chương            |                |
| 2.        | X02              | xã Bình Minh              |                |
| 3.        | X03              | xã Bình Sơn               |                |
| 4.        | X04              | xã Đông Sơn               |                |
| 5.        | X05              | xã Vạn Tường              |                |
| 6.        | X06              | phường Nghĩa Lộ           |                |
| 7.        | X07              | xã Ba Gia                 |                |
| 8.        | X08              | xã Sơn Tịnh               |                |
| 9.        | X09              | xã Thọ Phong              |                |
| 10.       | X10              | xã Trường Giang           |                |
| 11.       | X11              | phường Cẩm Thành          |                |
| 12.       | X12              | phường Trương Quang Trọng |                |
| 13.       | X13              | xã An Phú                 |                |
| 14.       | X14              | xã Tịnh Khê               |                |
| 15.       | X15              | xã Nghĩa Giang            |                |
| 16.       | X16              | xã Trà Giang              |                |
| 17.       | X17              | xã Tư Nghĩa               |                |
| 18.       | X18              | xã Vệ Giang               |                |
| 19.       | X19              | xã Lân Phong              |                |
| 20.       | X20              | xã Long Phụng             |                |
| 21.       | X21              | xã Mỏ Cày                 |                |
| 22.       | X22              | xã Mộ Đức                 |                |
| 23.       | X23              | phường Đức Phổ            |                |

|     |     |                   |  |
|-----|-----|-------------------|--|
| 24. | X24 | phường Sa Huỳnh   |  |
| 25. | X25 | phường Trà Câu    |  |
| 26. | X26 | xã Khánh Cường    |  |
| 27. | X27 | xã Nguyễn Nghiêm  |  |
| 28. | X28 | xã Đình Cương     |  |
| 29. | X29 | xã Nghĩa Hành     |  |
| 30. | X30 | xã Phước Giang    |  |
| 31. | X31 | xã Thiện Tín      |  |
| 32. | X32 | xã Ba Đình        |  |
| 33. | X33 | xã Ba Động        |  |
| 34. | X34 | xã Ba Tô          |  |
| 35. | X35 | xã Ba Tơ          |  |
| 36. | X36 | xã Ba Vì          |  |
| 37. | X37 | xã Ba Vinh        |  |
| 38. | X38 | xã Đặng Thùy Trâm |  |
| 39. | X39 | xã Minh Long      |  |
| 40. | X40 | xã Sơn Mai        |  |
| 41. | X41 | xã Sơn Hà         |  |
| 42. | X42 | xã Sơn Hạ         |  |
| 43. | X43 | xã Sơn Kỳ         |  |
| 44. | X44 | xã Sơn Linh       |  |
| 45. | X45 | xã Sơn Thủy       |  |
| 46. | X46 | xã Sơn Tây        |  |
| 47. | X47 | xã Sơn Tây Hạ     |  |
| 48. | X48 | xã Sơn Tây Thượng |  |
| 49. | X49 | xã Cà Đam         |  |
| 50. | X50 | xã Đông Trà Bồng  |  |
| 51. | X51 | xã Tây Trà        |  |



|     |     |                 |  |
|-----|-----|-----------------|--|
| 52. | X52 | xã Tây Trà Bồng |  |
| 53. | X53 | xã Thanh Bồng   |  |
| 54. | X54 | xã Trà Bồng     |  |
| 55. | X55 | đặc khu Lý Sơn  |  |
| 56. | X56 | phường Đắk Bla  |  |
| 57. | X57 | phường Đắk Cấm  |  |
| 58. | X58 | phường Kon Tum  |  |
| 59. | X59 | xã Đắk Rơ Wa    |  |
| 60. | X60 | xã Ia Chim      |  |
| 61. | X61 | xã Ngọc Bay     |  |
| 62. | X62 | xã Đắk Long     |  |
| 63. | X63 | xã Đắk Môn      |  |
| 64. | X64 | xã Đắk Pék      |  |
| 65. | X65 | xã Đắk Plô      |  |
| 66. | X66 | xã Ngọc Linh    |  |
| 67. | X67 | xã Xốp          |  |
| 68. | X68 | xã Bờ Y         |  |
| 69. | X69 | xã Dục Nông     |  |
| 70. | X70 | xã Sa Loong     |  |
| 71. | X71 | xã Đắk Tô       |  |
| 72. | X72 | xã Kon Đào      |  |
| 73. | X73 | xã Ngọc Tụ      |  |
| 74. | X74 | xã Kon Plông    |  |
| 75. | X75 | xã Măng Bút     |  |
| 76. | X76 | xã Măng Đen     |  |
| 77. | X77 | xã Đắk Kôi      |  |
| 78. | X78 | xã Đắk Rve      |  |
| 79. | X79 | xã Kon Braih    |  |

|     |     |               |  |
|-----|-----|---------------|--|
| 80. | X80 | xã Đăk Hà     |  |
| 81. | X81 | xã Đăk Mar    |  |
| 82. | X82 | xã Đăk Pxi    |  |
| 83. | X83 | xã Đăk Ui     |  |
| 84. | X84 | xã Ngọk Réo   |  |
| 85. | X85 | xã Ba Xa      |  |
| 86. | X86 | xã Mô Rai     |  |
| 87. | X87 | xã Rờ Koi     |  |
| 88. | X88 | xã Sa Bình    |  |
| 89. | X89 | xã Sa Thầy    |  |
| 90. | X90 | xã Ya Ly      |  |
| 91. | X91 | xã Đăk Sao    |  |
| 92. | X92 | xã Đăk Tờ Kan |  |
| 93. | X93 | xã Măng Ri    |  |
| 94. | X94 | xã Tu Mơ Rông |  |
| 95. | X95 | xã Ia Đal     |  |
| 96. | X96 | xã Ia Toi     |  |